

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/DS-ST
Ngày 11 – 8 – 2025
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Giang
- Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 265/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Mai Hải P, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp C, xã P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1992 và chị Tô Thị Hồng Đ, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau (anh B vắng mặt, chị Đ xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Mai Hải P (nguyên đơn) trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 7 năm 2022, anh có tham gia 03 dây hụi do chị Tô Thị Hồng Đ cùng chồng là anh Nguyễn Quốc B làm chủ, cụ thể:

Dây hụi tuần mở ngày 06/7/2021 âm lịch, loại hụi 200.000 đồng, mỗi tuần khui 01 lần, dây hụi có 44 chân, anh tham gia chơi 01 chân (trong danh sách hụi viên ghi tên là anh Bé, số thứ tự 36). Dây hụi này, anh đã hốt xong và còn nợ lại vợ chồng chị Đ 02 kỳ hụi chết với số tiền là 400.000 đồng.

Dây hội tháng mở ngày 09/4/2022 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần vào ngày 09 hàng tháng, dây hội có 32 chân, anh tham gia chơi 01 chân (trong danh sách hội viên ghi tên là anh Bé, số thứ tự 15). Dây hội này, anh đã góp được 17 kỳ hội sống đến kỳ thứ 18 (nhằm ngày 09/9/2023), vợ chồng chị Đ tuyên bố đình hội mà không thông báo cho hội viên biết cũng không nói rõ lý do đình hội nên trong dây hội này, vợ chồng chị Đ còn nợ anh 17 kỳ hội sống với số tiền là 34.000.000 đồng.

Dây hội tháng mở ngày 15/7/2022 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần vào ngày 15 hàng tháng, dây hội có 28 chân, anh tham gia chơi một chân (trong danh sách hội viên ghi tên là Bé (Huyền), số thứ tự 03). Dây hội này, anh đã hót xong và còn nợ lại vợ chồng chị Đ 14 kỳ hội chết với số tiền 14.000.000 đồng.

Do chị Đào bị khởi tố nên tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Tân, giữa anh với chị Đ có tính toán đối trừ số tiền hội anh còn nợ và số tiền vợ chồng chị Đ còn nợ lại anh theo đó, chị Đ còn nợ lại anh số tiền 19.600.000 đồng và chị Đ có trả cho anh được số tiền 2.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Tuy nhiên, khi khởi kiện anh chưa trừ số tiền trên nên tại phiên tòa, anh đồng ý đối trừ và chỉ yêu cầu anh B, chị Đ trả cho anh số tiền còn nợ lại là 17.600.000 đồng.

Mặc dù, anh B và chị Đ đã ly hôn nhưng việc mở hội phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, anh B có biết việc chị Đ mở hội nên đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, anh P khởi kiện yêu cầu anh B cùng chị Đ có trách nhiệm trả cho anh một lần số tiền còn nợ lại là 17.600.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Ngoài ra, anh P không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/5/2025, chị Tô Thị Hồng Đ (bị đơn) trình bày:

Chị Đ thừa nhận về thời gian mở hội, loại hội, số dây hội cũng như số chân hội anh Mai Hải P tham gia và thừa nhận số tiền hội anh P còn nợ chị và số tiền hội chị nợ lại anh P nên chị đồng ý đối trừ và xác định hiện còn nợ anh P số tiền hội 19.600.000 đồng (mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, số tiền nợ này không liên quan đến anh Nguyễn Quốc B bởi các dây hội anh P tham gia do chị tự làm chủ, anh B không biết cũng không tham gia do vợ chồng chị mỗi người sống một nơi khác nhau nên chị đồng ý trả toàn bộ số tiền hội còn nợ lại cho anh P, không đồng ý anh B cùng liên đới trách nhiệm trả nợ cùng chị. Đồng thời, chị xác định các dây hội anh P tham gia không bị khởi tố, điều tra và hiện chị đang bị tạm giam nên xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi hòa giải đến xét xử xong vụ án, chị cam kết không khiếu nại gì về sau.

Đối với anh Nguyễn Quốc B (bị đơn), Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa cũng không gửi văn bản đề nghị kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Mai Hải P (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, chị Tô Thị Hồng Đ đã có lời khai và xin vắng mặt với lý do đang bị giam, riêng anh Nguyễn Quốc B tuy đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh B vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của chị Đ và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh B.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng về hội. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hội, bị đơn đã đình hội nhưng đến nay không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ hội cho nguyên đơn, nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng các dây hội nguyên đơn tham gia tuy không có đăng ký với chính quyền địa phương nhưng có lập danh sách hội viên và được các đương sự thừa nhận về thời gian mở hội, loại hội, số dây hội cũng như số chân hội nguyên đơn tham gia, số tiền hội các đương sự còn nợ qua lại với nhau nên thống nhất đối trừ và bị đơn xác định hiện còn nợ lại nguyên đơn số tiền hội 19.600.000 đồng là có thật nên không phải chứng minh. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng trong quá trình điều tra, bị đơn có trả được số tiền 2.000.000 đồng nên đồng ý đối trừ và chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ lại là 17.600.000 đồng – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên chấp nhận. Lẽ ra, dây hội mở ngày 09/4/2022 âm lịch do đình hội thì phải tính số tiền thực tế của 17 kỳ hội sống mà anh Phòng đã đóng để điều chỉnh lại nhưng cả anh P, chị Đ không chứng minh được số tiền bỏ thăm ở từng kỳ khai hội, số tiền hội sống ở mỗi kỳ hội mà anh P đã đóng nên chưa đủ cơ sở để điều chỉnh. Hơn nữa, chị Đ cũng đồng ý trả số tiền nợ trên cho anh P sau khi đã đối trừ số tiền anh P nợ hội chị. Do đó, yêu cầu của anh P được chấp nhận.

[4] Tuy anh P cùng chị Đ không thỏa thuận thống nhất được với nhau về trách nhiệm thanh toán nợ còn anh B thì không có ý kiến gì đối với yêu cầu trả nợ của anh P. Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm giao dịch hội giữa anh B với chị Đ vẫn còn tồn tại mối quan hệ vợ chồng mà chưa có bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết cho anh chị ly hôn. Hơn nữa, anh B cũng không cung cấp được giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh B với chị Đ có thỏa thuận bằng văn bản về việc làm ăn, kinh doanh riêng và chịu trách nhiệm riêng đối với tài sản được tạo lập do làm ăn riêng, kinh doanh riêng mà có được trong khi pháp luật Tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh là của đương sự nên số tiền hội còn nợ lại anh P được xác định là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, lời trình bày của chị Đ về việc anh B không có trách nhiệm trả nợ cho anh P là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, tại Quyết định số: 93/2023/QĐCNTTLH ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau) do anh P cung cấp thể hiện anh B và chị Đ đã ly hôn với nhau, nên cần buộc mỗi người phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số tiền nợ trên cho anh P mà không buộc trách nhiệm liên đới trả nợ là phù hợp.

[5] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, Hội đồng xét xử xét thấy do các đương sự không thỏa thuận được với nhau và việc thanh toán thuộc thẩm

quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, anh B và chị Đ phải chịu, anh P không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại cho anh P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Mai Hải P.

Buộc anh Nguyễn Quốc B trả cho anh Mai Hải P số tiền là 8.800.000 đồng (tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Buộc chị Tô Thị Hồng Đ trả cho anh Mai Hải P số tiền là 8.800.000 đồng (tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh P có đơn yêu cầu thi hành án, anh B và chị Đ không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Nguyễn Quốc B và chị Tô Thị Hồng Đ, mỗi người phải nộp số tiền án phí là 440.000 đồng (bốn trăm bốn mươi nghìn đồng – chưa nộp).

Anh Mai Hải P không phải chịu. Ngày 13/5/2025, anh P đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 490.000 đồng (bốn trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004110 được trả lại toàn bộ cho anh P.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân